

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

Số: 2581/TB-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Uông Bí, ngày 05 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

**Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách
cấp huyện năm 2024 trình HĐND cấp huyện**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

UBND thành phố thông báo công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023 trình HĐND cấp huyện;

(Có biểu số liệu và thuyết minh kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND thành phố Uông Bí.

UBND thành phố Uông Bí Thông báo để các cơ quan, Phòng, ban, ngành, HĐND, UBND các phường, xã được biết./.

Nơi nhận:

- TT TT & VH;
- Lưu: VT, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa

Số: 2582/BC-UBND

Uông Bí, ngày 05 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Thuyết minh số liệu dự toán ngân sách Thành phố và phương án phân bổ ngân sách năm 2024 trình HĐND Thành phố

(Kèm theo Thông báo số 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của UBND Thành phố)

I. Chỉ đạo và nguyên tắc xây dựng dự toán NSNN 2024

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Công văn số 1894/STC-QLNS ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Công văn số 3270/STC-QLNS ngày 07/7/2023 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2024, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026, trong đó:

- Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2024¹ bình quân cả nước tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023; mức tăng trưởng thu tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn, trên cơ sở tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế.

- Chi thường xuyên được xây dựng trên nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội. Dự toán chi mua sắm tài sản cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

II. Dự toán NSNN năm 2024

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán, các thuận lợi, khó khăn trong năm 2023, dự báo thuận lợi, khó khăn của năm 2024, cụ thể như sau:

* *Thuận lợi:* Được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự hỗ trợ, phối hợp ngày càng

¹ Không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước.

chặt chẽ của các ngành, các cấp, địa phương của thành phố; sự nỗ lực khắc phục khó khăn của các tổ chức, cá nhân trong việc duy trì sản xuất kinh doanh và ý thức ngày càng cao trong việc chấp hành các Luật thuế, thực hiện nộp đúng, nộp đủ, nộp kịp thời các khoản thuế, phí vào Ngân sách Nhà nước cùng với sự nỗ lực không ngừng của cán bộ, công chức ngành Tài chính trên địa bàn. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ du lịch trong đà hồi phục.

* *Khó khăn và các tác động:* (i) Tình hình thế giới dự kiến tiếp tục bất ổn, giá nguyên, nhiên, vật liệu tăng mạnh, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trung ương có khả năng vẫn duy trì các chính sách miễn giảm thuế, phí làm ảnh hưởng đến số thu NSNN; (ii) Ngành than có đóng góp lớn cho số thu ngân sách nội địa của thành phố, tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh lại phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thời tiết, tình hình tiêu thụ than của các đơn vị lớn (nhiệt điện, xi măng) theo kế hoạch sản xuất do Chính phủ phê duyệt; (iii) Dự báo thị trường kinh doanh bất động sản tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2024.

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng số thu: **3.780,329 tỷ đồng**; trong đó:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: **3.715 tỷ đồng**

Số giao thu giữ nguyên so với dự toán tỉnh giao (tuy nhiên, so với dự toán năm 2023 sau khi đã loại trừ tiền sử dụng đất đạt 108%, tăng 8%). Trong quá trình thực hiện, mức tăng cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán tỉnh giao.

1.1. Chia theo sắc thuế

- Thu tiền sử dụng đất: **280 tỷ đồng**, bằng 80% dự toán năm 2023, bằng 187% ước thực hiện năm 2023 và bằng 100% dự toán Tỉnh dự kiến giao.

- Thu thuế phí: **3.435 tỷ đồng**, bằng 108% dự toán năm 2023, bằng 94% ước thực hiện năm 2023 và bằng 100% dự toán Tỉnh dự kiến giao. Trong đó:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý: **2.476 tỷ đồng**, bằng 121% dự toán năm 2023, bằng 104% ước thực hiện năm 2023, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: **320 tỷ đồng**, bằng 105% dự toán năm 2023, bằng 61% ước thực hiện năm 2023, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024.

+ Các loại thuế, phí còn lại: **639 tỷ đồng**, bằng 77% dự toán năm 2023, bằng 72% ước thực hiện năm 2023, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024.

1.2. Chia theo cơ quan thu

- Cục thuế thu: 2.919 tỷ đồng, bằng 114% dự toán năm 2023, bằng 94% ước thực hiện năm 2023 (3.115,668 tỷ đồng), bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024.

- Chi cục thuế thu: 796 tỷ đồng, bằng 82% dự toán năm 2023, bằng 117% ước thực hiện năm 2023 (680 tỷ đồng), bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024. Trong đó:

- Thu từ tiền sử dụng đất là 280 tỷ đồng.
- Thu từ thuế, phí là 516 tỷ đồng, bằng 83% dự toán năm 2023, bằng 97% ước thực hiện năm 2023, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024.

1.3. Chia theo phân cấp nguồn thu ngân sách được hưởng

Tổng thu ngân sách địa phương: **967,429 tỷ đồng**, trong đó:

Thu cân đối trên địa bàn **902,1 tỷ đồng** (thu tiền sử dụng đất 140 tỷ đồng, thu thuế phí: 762,1 tỷ đồng), tăng 16,315 tỷ so với dự toán năm 2023 (thuế, phí tăng 51,315 tỷ đồng), trong đó:

- Ngân sách cấp huyện dự kiến được hưởng là: 844,340 tỷ đồng;
- Ngân sách cấp xã dự kiến được hưởng là: 57,760 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách địa phương năm 2024

Tổng chi NS địa phương năm 2024: 967,429 tỷ đồng (Thành phố: 855,715 tỷ đồng; Xã, phường: 111,714 tỷ đồng). Trong đó: chi đầu tư phát triển 187,6 tỷ đồng, chi thường xuyên 749,764 tỷ đồng, trích dự phòng ngân sách 19,130 tỷ đồng, chi bổ sung từ ngân sách tỉnh 10,935 tỷ đồng.

2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển

Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

(1) Lập kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024.

(2) Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị Quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020, Nghị quyết 46/NQ-HĐND ngày 13/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan,

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân các năm 2021; 2022 và năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023).

- Mức vốn bố trí cho từng dự án phải **phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024**. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải và phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư trong kế hoạch tài chính và tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân của từng dự án trong năm 2024.

- Các dự án khởi công mới là các dự án thực sự cần thiết để phát triển kinh tế xã hội, chỉnh trang đô thị.

(3) Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, dự án phát triển hạ tầng quan trọng; Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2024.

(4) Phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Dự kiến phân bổ

Trên cơ sở trao đổi, làm việc với Sở Tài chính về dự kiến nguồn vốn dành cho đầu tư năm 2024; theo đó dự kiến kế hoạch đầu tư thành phố là **187,6 tỷ đồng**, chiếm tỷ trọng 20% tổng chi ngân sách địa phương từ các nguồn như sau:

- Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140 tỷ đồng;
- Nguồn thu phí tham quan Yên Tử là 23 tỷ đồng;
- Nguồn thu phí BVMT đối với hoạt động KT than là 24,6 tỷ đồng.

Phương án phân bổ 187,6 tỷ đồng cho 56 công trình

- Công trình hoàn thành là 16,5 tỷ đồng cho 10 công trình;
- Công trình chuyển tiếp là 60,2 tỷ đồng cho 32 công trình;
- Công trình khởi công mới là 98,9 tỷ đồng cho 07 công trình;
- Vốn chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch là 12 tỷ đồng cho 07 nhiệm vụ;

Đối với việc phân bổ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024, sẽ thực hiện trình bổ sung trong năm.

2.2. Dự toán chi thường xuyên

Bố trí ngân sách đảm bảo nhu cầu chi theo hướng ưu tiên cho con người, đảm bảo an sinh xã hội; trong khi nhu cầu chi của các đơn vị dự toán, UBND các xã, phường là rất lớn; Các đơn vị dự toán, UBND các xã, phường cần chủ động rà soát, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, lồng ghép các chương trình, đảm bảo triệt để tiết kiệm và thực hành tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán. Với quan điểm tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, trong quá trình điều hành thực hiện, ngân sách thành phố vẫn tiếp tục tiết kiệm *chi thường xuyên từ các sự nghiệp* để bổ sung vào chi đầu tư phát triển và sẽ trình bổ sung trong năm.

Chi thường xuyên năm 2024 là 749,764 tỷ đồng (NS thành phố: 640,284 tỷ đồng; NS xã, phường: 109,479 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 78% tổng chi ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

+ Chi sự nghiệp giáo dục:	270,510 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp đào tạo:	11,164 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp y tế:	22,179 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp VH TT, TT, PTTT:	12,867 tỷ đồng
+ Chi đảm bảo xã hội:	50,778 tỷ đồng

+ Chi An ninh	6,970 tỷ đồng
+ Chi quốc phòng:	19,252 tỷ đồng
+ Chi quản lý hành chính:	151,893 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	110,641 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường:	79,339 tỷ đồng
+ Chi khác:	14,172 tỷ đồng

* Về việc giao mức tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập: Căn cứ vào các Quyết định của UBND tỉnh về việc giao Đề án tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố, tiếp tục giao tự chủ 100% chi thường xuyên cho 05 đơn vị: Ban QL chợ Trung tâm, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban QL dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố, Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất, Ban Quản lý Di tích và Rừng Quốc gia Yên Tử; tiếp tục giao tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên cho 04 đơn vị²: 01 đơn vị tự chủ 65% (Đội kiểm tra Trật tự đô thị và Môi trường); 01 đơn vị tự chủ 62% (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên), 01 đơn vị tự chủ 25% (Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp); 01 đơn vị tự chủ 10% (Trung tâm Truyền thông và Văn hóa); tiếp tục giao tự chủ một phần kinh phí cho 08 trường THCS, 10 trường mầm non và 01 trường TH & THCS thuộc đơn vị dự toán cấp 1 phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố, theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt³,

* Về kinh phí chỉnh trang đô thị giao trong sự nghiệp kinh tế là 85 tỷ đồng, dự kiến phân bổ cho sửa chữa các công trình 70 tỷ đồng; Phân bổ cho công tác điện chiếu sáng, duy trì chăm sóc cây xanh...15 tỷ đồng.

Dự toán chi thường xuyên năm 2024 về cơ bản vẫn thực hiện theo tiêu chí định mức quy định tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và có một số thay đổi như sau:

(i) Cấp bù chi khác kinh phí tự chủ cho khối quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể và chi sự nghiệp khác, ngoài định mức đã quy định tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, mục đích là bù yếu tố trượt giá qua các năm. Mức cấp bù đề xuất là 10 triệu đồng/người/năm. Tổng kinh phí cấp bù khoảng 4,07 tỷ đồng (khối huyện: 1,78 tỷ đồng; khối xã: 2,29 tỷ đồng).

(ii) Cấp bù chi khác cho sự nghiệp giáo dục để đạt tỷ lệ (%) giữa tiền lương và chi hoạt động thường xuyên là 80/20 theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu là đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, nâng cao thu nhập, đời sống cho giáo viên người lao động. Số tiền dự kiến là 5,1 tỷ đồng.

² Năm 2024 dự kiến điều chỉnh tỷ lệ tự chủ một số đơn vị cho phù hợp: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên từ 40% lên 62%, Đội kiểm tra Trật tự đô thị và Môi trường từ 60% lên 65%.

³ Trường THCS Trần Quốc Toàn, Nguyễn Trãi, Trung Vương, Yên Thanh, Nguyễn Văn Cừ, Phương Đông, Phương Nam, Bắc Sơn; Trường Mầm non Thanh Sơn, Phương Đông, 19-5, Phương Nam, Bắc Sơn, Yên Thanh, Quang Trung, Vàng Danh, Nam Khê, Trung Vương và trường TH & THCS Nam Khê.

(iii) Số thu học phí của học kỳ II năm học 2023-2024 và học kỳ I năm học 2024-2025 (khoảng trên 30 tỷ đồng) được cân đối vào dự toán chi thường xuyên của ngành giáo dục, giảm chi sự nghiệp công từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó, sử dụng để chi quỹ lương, phụ cấp, chế độ cho 183 người được giao chỉ tiêu hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh.

(iv) Dự toán chi thường xuyên năm 2024 dự kiến là: **749,764 tỷ đồng⁴**, bằng 112% dự toán Tỉnh giao năm 2023, bằng 117% dự toán Thành phố giao năm 2023, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2024. Nếu loại trừ số chi từ nguồn CCTL (54,394 tỷ đồng) thì chi thường xuyên dự kiến là: **695,370 tỷ đồng** (tăng 24,101 tỷ đồng so với dự toán Tỉnh giao đầu năm 2023).

Các khoản tăng, phát sinh mới: kinh phí sự nghiệp ngành giáo dục tăng khoảng 12 tỷ đồng cho các nhiệm vụ bù chi thường xuyên để đạt tỷ lệ 80/20, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy tại các trường học, thực hiện Nghị quyết 06/2022 của HĐND tỉnh; chi đảm bảo xã hội tăng 10 tỷ đồng ...

2.3. Dự toán chi dự phòng ngân sách

Chi dự phòng ngân sách năm 2024 là **19,130 tỷ đồng** (Trích 2% trên tổng chi theo quy định Điều 10 Luật NS mức bố trí từ 2% đến 4%), trong đó:

- + NS thành phố 16,896 tỷ đồng;
- + NS xã, phường 2,234 tỷ đồng.

2.4. Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh 11,392 tỷ đồng.

2.5. Ngân sách cấp huyện bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã: 40,334 tỷ đồng, tăng 5,517 tỷ đồng so với năm 2023.

Năm 2024, phường Quang Trung phải bổ sung trợ cấp cân đối (1,084 tỷ đồng) do bổ sung thêm nhiều định mức chi theo quy định của tỉnh; bên cạnh đó các khoản thu từ đất như lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản giảm mạnh so với năm 2022 do ảnh hưởng bởi thị trường bất động sản trầm lắng. Phường Trung Vương, Vàng Danh tự cân đối do thu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công tăng cao (địa phương có các doanh nghiệp ngành than, điện đóng trên địa bàn).

III. Cơ chế biện pháp điều hành ngân sách năm 2024

1. Chấp hành nghiêm Luật Ngân sách nhà nước. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý tài chính - ngân sách, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, cụ thể:

⁴ Bao gồm chi từ nguồn CCTL: 54,394 tỷ đồng để chi tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng.

a) Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững; quá trình tổ chức thực hiện dự toán thu, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phấn đấu tăng thu NSNN (phần thuế, phí) ở mức cao nhất.

b) Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu NSNN, thực hiện nghiêm Luật quản lý thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế, tăng thu ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thực hiện nghiêm quy định về đầu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật;

c) Điều hành chi ngân sách địa phương chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, “*lợi ích nhóm*” ngay từ khâu xác định nhiệm vụ chi; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên; giảm tối đa kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm, hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát trong nước và nước ngoài; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công. Việc chuyển nguồn vốn đầu tư công năm 2023 sang năm 2024 phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp, đơn vị dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo nguyên tắc triệt để tiết kiệm, đúng mục tiêu, nội dung của từng nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

e) Tổ chức việc ra soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức.

f) Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Về cơ bản tiếp tục thực hiện định mức dự toán, cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách của tỉnh đã quy định tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và có một số điểm đề xuất mới như sau:

a) Cấp bù chi khác ngoài định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể và chi sự nghiệp khác đã quy định tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh để bù yếu tố trượt giá, mức cấp bù là 10 triệu đồng/người/năm.

b) Cấp bù chi khác cho sự nghiệp giáo dục để đạt tỷ lệ (%) giữa tiền lương và chi hoạt động thường xuyên là 80/20 và 79/21 đối với địa phương vùng khó khăn, cao hơn mức tối thiểu theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ là 81/19 và 80/20 đối với vùng khó khăn. Mục tiêu là nâng cao thu nhập, đời sống cho giáo viên người lao động.

c) Đối với nguồn kinh phí bố trí thực hiện các nhiệm vụ dự kiến thực hiện từ nay đến cuối năm, đề nghị HĐND Thành phố giao cho UBND Thành phố chủ động thực hiện phân bổ, đảm bảo không vượt quá tổng nguồn đã bố trí và đúng theo quy định của pháp luật, báo cáo HĐND Thành phố tại các kỳ họp tiếp theo.

3. Về cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương từ các nguồn: (1) Một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; (2) Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); (3) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang; (4) 70% tăng thu ngân sách huyện, xã năm 2023 thực hiện so với dự toán được UBND cấp trên giao.

4. Trích 20% nguồn thu phí tham quan danh thắng Khu di tích Yên Tử cho Ban quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước được dành để chi đầu tư cho các dự án, công trình liên quan với mục tiêu tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị của danh thắng - di tích Yên Tử cho đến khi Nghị quyết mới của HĐND tỉnh ban hành và có hiệu lực.

5. Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phần nộp ngân sách sau khi đảm bảo bố trí đủ kinh phí cho công tác quản lý đất đai: thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính,... theo nhu cầu thực tế phát sinh⁵ được dành toàn bộ cho nhiệm vụ đầu tư phát triển.

IV. Tổ chức, quản lý điều hành ngân sách

1. Tổ chức điều hành thu ngân sách nhà nước

Duy trì phát huy hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo điều hành ngân sách cấp huyện, cấp xã; xây dựng kịch bản thu, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực thu, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý. Thực hiện hiệu quả các chuyên đề thu theo kế hoạch của UBND tỉnh, thành phố. Xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, đặc biệt chỉ đạo các ngành có liên quan tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên: xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng đơn vị, hàng tháng, quý, năm; có giải pháp hoàn thành dự toán cả về tiền sử dụng đất, thuế phí. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch thanh tra, kiểm tra tài chính, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch được giao; bổ sung lực lượng đáp ứng việc triển khai kế hoạch thanh tra. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan

⁵ Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chi thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ .

trong công tác chống thất thu thuế, chống buôn lậu, hàng giả... Giảm tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu ngân sách, không để phát sinh nợ mới. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý. Đồng thời, xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch: phối hợp với Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên và các đơn vị liên quan tham mưu tốt công tác thu ngân sách nhà nước, kịp thời báo cáo UBND Thành phố có giải pháp điều hành thu ngân sách linh hoạt, chủ động. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về công tác quản lý thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu mà Tỉnh, HĐND Thành phố giao.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp cùng các phòng, ban liên quan, UBND các xã, phường trình giá đất, giá thuê đất; hoàn chỉnh các thủ tục cho tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng đất trong thời gian ngắn nhất tính từ khi có Quyết định nộp tiền. Phối hợp với các phòng, ban tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kịp thời, đảm bảo tiến độ. Thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Thành phố theo nhiệm vụ được giao.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục tổ chức triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, biện pháp và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội và công tác thu, chi ngân sách đã đề ra; nâng cao chất lượng, vai trò, hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường; phối hợp với các Đội thuế tích cực khai thác có hiệu quả các nguồn thu, chủ động giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; chú trọng, tập trung về công tác thu thuế, phí; kiểm soát hết các đối tượng nộp thuế đảm bảo hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách ở mức cao nhất.

e) Kho bạc Nhà nước Thành phố: Có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đến nộp thuế, phí và các khoản thu khác nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ; phối hợp thu nợ đọng thuế, thực hiện các Lệnh thu NSNN do cơ quan Thuế phát hành; cung cấp kịp thời thông tin về người nộp thuế, báo cáo thu theo yêu cầu của cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật.

f) Các phòng, ban ngành, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ cụ thể tại phân công nhiệm vụ của Ban tăng cường thu ngân sách Thành phố.

2. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

UBND các xã, phường và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước tổ chức quản lý điều hành, kiểm soát chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

a) Căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm nguồn thu cân đối so với dự toán giao, đồng thời ngân sách các cấp không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì các đơn vị cần phải chủ động rà soát, sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án để đảm bảo cân đối theo dự toán đã giao.

Các cơ quan đơn vị được giao đầu mỗi triển khai nhiệm vụ có trách nhiệm đề xuất phân khai nguồn kinh phí được giao, báo cáo UBND Thành phố xong trước quý II/2024. Sau ngày 30/6/2024, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, báo cáo UBND thành phố phương án điều chỉnh, điều hòa trình HĐND thành phố tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024.


Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2024 nhưng chưa được bố trí đủ vốn. Hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn phân bổ chi đầu tư phát triển dự toán đầu năm, kế hoạch phân bổ chi thường xuyên (sự nghiệp) của các dự án chuyển tiếp trước ngày 30/9/2024 theo tiến độ thu. Đối với các dự án khởi công mới phần đầu hoàn thành việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu trước ngày 31/3/2024.

b) Kết thúc năm 2024, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương, tỉnh ban hành trong đó chi tiết kết quả đối với từng chính sách, chế độ an sinh xã hội, gửi Phòng Tài chính trước ngày 20/2/2024. Để tổng hợp báo cáo Sở tài chính theo quy định.

3. Việc xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước. Việc điều chỉnh dự toán theo Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước. Việc xử lý kết dư ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau:

Các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2024 của UBND Thành phố trình HĐND cấp Thành phố./. 

Nơi nhận:

- TT HĐND Thành phố;
- CT, PCT UBND TP;
- Trung tâm TT&VH TP;
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	887.015	1.810.361	967.429	(842.931)	53,4
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	885.785	958.622	902.100	(56.522)	94,1
1	Thu NSDP hưởng 100%	268.000	280.674	249.050	(31.624)	88,7
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	617.785	677.949	653.050	(24.899)	96,3
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.230	232.816	10.935	(221.881)	4,7
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				-	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.230	232.816	10.935	(221.881)	4,7
III	Thu kết dư		29.290		(29.290)	0,0
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (*)	-	589.057	54.394	(534.663)	9,2
V	Thu NS cấp dưới nộp trả		45			
VI	Thu ngoài cân đối (ĐG XDCSHT)		531			
B	TỔNG CHI NSDP	885.785	1.810.361	967.429	(842.932)	53,4
I	Tổng chi cân đối NSDP	885.785	1.723.151	956.494	(766.657)	55,5
1	Chi đầu tư phát triển	226.800	439.981	187.600	(252.381)	42,6
2	Chi thường xuyên	641.269	737.054	749.764	12.709	101,7
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		-		-	



4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					-	
5	Dự phòng ngân sách	17.716	-	19.130	19.130		
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	464.663	-	(464.663)		
7	Nguồn khác		81.452				
8	KP tạm giữ lại (10% tiết kiệm lần 2)		-				
II Chi các chương trình mục tiêu							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ						
III Chi trả ngân sách cấp trên							
		-	87.210		(87.210)		
IV Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NST				10.935			

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ
NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số: 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	834.697	1.654.971	896.506	(758.465)	54
1	Thu NS được hưởng theo phân cấp	833.467	889.635	844.340	(45.295)	95
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.230	232.816	10.935	(221.424)	5
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách				-	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.230	232.816	10.935	(221.424)	5
3	Thu kết dư		28.101	-	(28.101)	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		504.291	40.774	(463.516)	8
5	Thu NS cấp dưới nộp trả		45			
6	Thu ngoài cân đối (đóng góp CSHT)		84			
II	Chi ngân sách	834.697	1.654.971	896.506	61.809	107
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	799.880	1.577.458	856.172	56.292	107
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	34.817	77.513	40.334	5.517	116
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	34.817	34.817	40.334	5.517	116
-	Chi bổ sung có mục tiêu	-	42.696	-	-	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau (*)				-	
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ				-	
I	Nguồn thu ngân sách	87.135	232.903	111.714	(121.189)	48
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	52.318	68.987	57.760	(11.227)	84
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	34.817	77.513	40.334	(37.179)	52
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	34.817	34.817	40.334	5.517	116
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	42.696		(42.696)	-
3	Thu kết dư		1.189		-	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (*)		84.766	13.620	13.620	
5	Thu ngoài cân đối (đóng góp CSHT)		447			
II	Chi ngân sách	87.135	232.903	111.714	24.579	128
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp xã	87.135	232.858	111.714	24.579	128
2	Nợ NS cấp trên		45			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 2581/TB-LBNĐ ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện thu năm 2023		Dự toán thu năm 2024		So sánh (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu trên địa bàn	3.795.668	958.622	3.715.000	902.100	98	94
1	Thu từ DN nhà nước	2.387.200	287.634	2.479.000	298.650,00	104	104
1.1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý	2.384.200	286.104	2.476.000	297.120,00	104	104
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.200	20.184	89.000	10.680,00	53	
	- Thuế tài nguyên	1.396.000	167.520	1.404.000	168.480,00	101	
	- Thuế giá trị gia tăng	820.000	98.400	983.000	117.960,00	120	
	- Thu khác	-	-	-	-		
1.2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	3.000	1.530	3.000	1.530,00	100	100
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.600	816	1.800	918,00	113	113
	- Thuế tài nguyên	-	-	-	-		
	- Thuế giá trị gia tăng	1.400	714	1.200	612,00	86	86
2	Thu doanh nghiệp có vốn ĐTNN	2.020	-	600	-	30	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.700		290		17	
	- Thuế tài nguyên	-		-			
	- Thuế giá trị gia tăng	320		310		97	
3	Thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh	523.745	280.830	320.000	178.880	61	64

STT	Nội dung	Ước thực hiện thu năm 2023				Dự toán thu năm 2024				So sánh (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP		
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	235.000	119.850	78.000	39.780,00	33	33				
	- Thuế tài nguyên	28.000	28.000	32.000	32.000,00	114	114				
	- Thuế giá trị gia tăng	260.000	132.600	209.000	106.590,00	80	80				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	745	380	1.000	510,00	134	134				
4	Thuế thu nhập cá nhân	142.000	72.420	122.000	62.220,00	86	86				
5	Thuế bảo vệ môi trường	90.000	-	93.000	-	103					
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	90.000	-	93.000	-	103					
6	Lệ phí trước bạ	60.000	60.000	58.000	58.000,00	97	97				
7	Thu phí, lệ phí	106.978	105.753	107.700	106.550	101	101				
-	Phí và lệ phí trung ương	1.000	-	500	-	50					
-	Phí và lệ phí tỉnh	78.800	78.575	78.750	78.100,00	100	99				
-	Phí và lệ phí huyện	26.500	26.500	28.000	28.000,00	106	106				
-	Phí và lệ phí xã, phường	678	678	450	450,00	66	66				
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	7.000	7.000,00	88	88				
9	Trên cho thuê đất, thuế mặt nước	45.065	45.000	45.000	45.000,00	100	100				
10	Thu tiền sử dụng đất	150.000	85.000	280.000	140.000,00	187	165				
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	250.000	1.850	176.000	3.000,00	70	162				
12	Thu khác ngân sách	30.050	11.525	26.200	2.300,00	87	20				
13	Thu đất công hoa lợi	610	610	500	500,00						
14	Thu ngoài cân đối (đóng góp CSHT)	-	-	-	-						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Trong đó		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
A	B	1=2+3	2	3	
	TỔNG CHI NSDP	967.429	855.715	111.714	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	956.494	844.780	111.714	
I	Chi đầu tư phát triển (1)	187.600	187.600	-	
1	Chi đầu tư cho các dự án	187.600	187.600	-	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	-			
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	15.250	15.250		
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	-			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	140.000	140.000	-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-			
3	Chi đầu tư phát triển khác	-			
II	Chi thường xuyên	749.764	640.284	109.479	
	<i>Trong đó:</i>	-			



STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Trong đó		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
A	B	1=2+3	2	3	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	280.837	280.581	256	
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	-			
III	Dự phòng ngân sách	19.130	16.896	2.234	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-	
V	Chi trả nợ NS tỉnh	-			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	-			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	-			
C	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-	
D	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA NST	10.935	10.935		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 258/ TB-LBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng



STT		Dự toán
A		1
	TỔNG CHI	896.048
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	40.334
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	844.779
I	Chi đầu tư phát triển (2)	187.600
II	Chi thường xuyên	640.284
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	281.418
2	Chi khoa học và công nghệ (3)	
3	Chi quốc phòng	13.358
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.700
5	Chi y tế, dân số và gia đình	22.179
6	Chi văn hóa thông tin, thể thao, truyền thanh, truyền hình	10.509
7	Chi bảo vệ môi trường, đô thị	79.339
8	Chi các hoạt động kinh tế	109.880
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	62.873
10	Chi bảo đảm xã hội	46.003
11	Chi thường xuyên khác	12.025
III	Dự phòng ngân sách	16.896
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
V	Chi trả nợ NS Tỉnh	-
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA NS TỈNH	10.935

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh	
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	855.715	187.600	640.284	16.896	-	-	-	-	10.935
I	CHI XDCB	187.600	187.600							
II	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	640.284		640.284						
II.1	Chi từ nguồn SN kinh tế	109.880		109.880						
1	Phòng kinh tế	1.977		1.977						
2	Đội Kiểm tra TTĐT & MT	1.351		1.351						
3	Trung tâm DV kỹ thuật NN	2.714		2.714						
5	Tài nguyên & Môi Trường	4.326		4.326						
7	Hội nông dân thành phố	500		500						
8	Ban quản lý dự án đầu tư TP	30.500		30.500						
9	Phòng Quản lý đô thị	4.300		4.300						
1	Dịch vụ công ích	15.000		15.000						
	UBND các xã, phường	42.950		42.950						
11	KP thủy lợi phí, 03 CTMTQG, khác...	6.062		6.062						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh	
			Chi đầu tư phát triển (Không kê phương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kê chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lượng	Chi chương trình MTQG			
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II.2	Chi SN môi trường (2)	79.339		79.339						
	<i>Trong đó Phòng TN&MT</i>	300		300						
II.3	Chi từ nguồn SN giáo dục, đào tạo	281.418		281.418						
1	Phòng giáo dục	267.467		267.467						
2	T. tâm GD nghề nghiệp & GDTX	2.912		2.912						
3	Thành ủy (T. tâm Bồi dưỡng C.trị)	3.492		3.492						
4	Phòng LDTBXH	7.547		7.547						
II.4	Chi từ nguồn SN y tế, dân số	22.179		22.179						
1	Phòng Y tế	1.048		1.048						
2	Kinh phí hd chống dịch	1.325		1.325						
3	KP bảo hiểm xã hội cho các đối tượng	19.806		19.806						
II.5	Chi từ SN VH TT, TDTT, đài	10.509		10.509						
1	Trung tâm truyền thông	6.709		6.709						
2	Phòng Văn hoá	800		800						
3	KP hd cho các ngày lễ lớn, thiết chế văn hóa	3.000		3.000						
II.6	Chi đảm bảo XH	46.003		46.003						
1	Phòng LDTBXH	41.938		41.938						

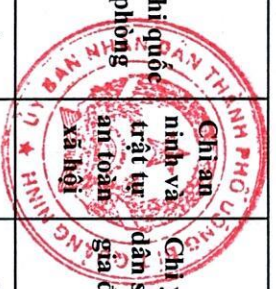
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó								
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG		Chi nguồn bổ sung NS tỉnh		
							Tổng số	Trong đó			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
2	Hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện	4.065		4.065							
II.7	Chi QL hành chính	62.873		62.873							
1	VP UBND & HĐND	12.826		12.826							
2	Phòng Tư pháp	1.766		1.766							
3	Phòng Tài chính - KH	2.624		2.624							
4	Phòng Kinh tế	1.789		1.789							
5	Phòng QLĐT	1.699		1.699							
6	Phòng LĐTB & XH	2.048		2.048							
7	Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.685		1.685							
8	Phòng Y tế	463		463							
9	Phòng Văn hoá	1.220		1.220							
10	Trung tâm hành chính công	4.109		4.109							
11	Phòng Nội vụ	4.657		4.657							
12	Thanh tra nhà nước	1.470		1.470							
13	Phòng giáo dục QLNN	1.492		1.492							
14	Thành uỷ	16.107		16.107							
15	Khối MTTQ và các đoàn thể CTXH	7.103		7.103							

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó											
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VH:TT;PT TH, thông tin; thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2	T. tâm GD nghề nghiệp & GDTX	2.912	2.912											
3	Thành ủy (Trung tâm Bồi dưỡng chính trị)	3.492	3.492											
4	Phòng LĐTBXH	7.547	7.547											
5	40% HP do NSNN hỗ trợ dành nguồn DPCCTL để tại NSTP	-	-											
6	Kinh phí dự nguồn lương bc và lương HDLE, khác..	-	-											
V	SN y tế, dân số	22.179				22.179								
1	Phòng Y tế	1.048				1.048								
2	Kinh phí hỗ trợ chống dịch	1.325				1.325								
3	KP hỗ trợ BHYT cho các đối tượng chính sách bao gồm BHYT cho CB hưu xã (trừ học sinh, sinh viên)	19.806				19.806								
VI	SN văn hóa TT, truyền thông, TDTT	10.509				10.509								
1	Trung tâm truyền thông	6.709				6.709								
2	Phòng Văn hóa	800				800								
3	KP hd cho các ngày lễ lớn	3.000				3.000								
VII	Đảm bảo XH	46.003										46.003		
1	Phòng LĐTBXH	41.938										41.938		
2	Hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện	4.065										4.065		
VIII	Quản lý hành chính	62.873										62.873		
1	VP UBND & HĐND	12.826										12.826		
2	Phòng Tư pháp	1.766										1.766		
3	Phòng Tài chính - KH	2.624										2.624		



Trong đó

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó										
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VH,TT;PT, TH, thông tấn; thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Phòng Kinh tế	1.789									1.789		
5	Phòng QLĐT	1.699									1.699		
6	Phòng LĐTB & XH	2.048									2.048		
7	Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.685									1.685		
8	Phòng Y tế	463									463		
9	Phòng Văn hoá	1.220									1.220		
10	Trung tâm hành chính công	4.109									4.109		
11	Phòng Nội vụ	4.657									4.657		
12	Thanh tra nhà nước	1.470									1.470		
13	Phòng giáo dục QLNN	1.492									1.492		
14	Thành uỷ	16.107									16.107		
15	Khối MTTQ và các đoàn thể CTXH TP	7.103									7.103		
16	Liên đoàn Lao động TP	100									100		
17	KP các ban chỉ đạo cấp huyện	1.715									1.715		
VIII	Chi Quốc phòng (Ban CH Quân sự)	13.358			13.358								
IX	Chi an ninh (Công an Thành phố)	2.700			2.700								
X	Chi thường xuyên khác	12.025											12.025
2	Hội người mù TP	216											216
3	Hội nạn nhân chất độc da cam TP	50											50
4	Hội Luật gia	50											50
5	Hội người cao tuổi TP	50											50
6	Hội Cựu thanh niên xung phong TP	50											50
7	Hội Khuyến học TP	50											50
8	Hội Văn học nghệ thuật TP	50											50



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH SÁCH CẤP TRÊN

(Kèm theo Thông báo số: 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Cân đối từ nguồn CCTL tại đơn vị	Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Tổng chi cân đối NSDP	
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia				
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=2+6+7
	TỔNG SỐ	435.358	57.760	17.358	418.000	40.402	13.620	40.334	111.714
1	Phường Quang Trung	262.097	9.463	5.500	256.597	3.963	1.974	1.084	12.522
2	Phường Thanh Sơn	47.180	6.786	1.980	45.200	4.806	1.500	3.433	11.719
3	Phường Vàng Danh	24.074	9.986	1.176	22.898	8.810	1.396	-	11.382
4	Phường Yên Thanh	11.990	5.586	2.890	9.100	2.696	1.137	3.474	10.197
5	Phường Trung Vương	26.447	9.982	1.422	25.025	8.560	1.483	-	11.465
6	Phường Nam Khê	5.405	2.631	785	4.620	1.846	1.027	5.787	9.445
7	Phường Phương Đông	42.850	7.421	1.770	41.080	5.651	1.433	3.076	11.929
8	Phường Phương Nam	6.165	2.129	1.050	5.115	1.079	1.379	8.639	12.146
9	Phường Bắc Sơn	3.435	1.249	535	2.900	714	1.190	8.050	10.489
10	Xã Thượng Yên Công	5.715	2.527	250	5.465	2.277	1.103	6.790	10.420

DỰ TOÁN CHI ĐIPT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỈNH CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số 2581/TB-UBND ngày 05/12/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số lượng công trình	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Thời gian hoàn thành	Số QĐ	Ngày tháng năm	Quyết định đầu tư										Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024									
								Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn						Chia theo nguồn vốn									
								Tổng số	Ngoài nước	Nội địa	Nhà nước	Yêu cầu	Tổng số	Ngoài nước	Nội địa	Nhà nước	Yêu cầu		Tổng số	Ngoài nước	Nội địa	Nhà nước	Yêu cầu					
A	TỔNG CỘNG	42		2	3	4	4a	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
A	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀ Y NGHỀ	4						775.665			130.000	645.665	361.211				361.211	361.211				187.600					187.600	
I	Chuẩn bị đầu tư	4						142.239				142.239	45.750				45.750	45.750				15.250					15.250	
II	Thực hiện dự án	4						142.239				142.239	45.750				45.750	45.750				15.250					15.250	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																											
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	4						142.239				142.239	45.750				45.750	45.750				15.250					15.250	
	BỘ LẠ ĐÀU TƯ XÂY DỰNG	4						142.239				142.239	45.750				45.750	45.750				15.250					15.250	
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1						10834				13/12/2021	4.000				4.000	3.750				40.000					150	
2	Xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí	1						7643, 4096				30/11/2022, 10/8/2023	116.855				116.855	40.000				40.000					40.000	
3	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1						5209				17/10/2023	7.884				7.884	2.000				2.000					5.100	
4	Sửa chữa, xây dựng mới số công trình tại các trường mầm non, phố thông công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1						13.500					13.500				13.500	40.000				40.000					10.000	
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN	2						17.218				0	17.218	4.500		0	4.500	4.500				4.500					11.100	
I	Chuẩn bị đầu tư																											
II	Thực hiện dự án	2						17.218			0	17.218	4.500		0	4.500	4.500				4.500						11.100	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																											
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	2						17.218				17.218	4.500				4.500	4.500				4.500					11.100	
	BỘ LẠ ĐÀU TƯ XÂY DỰNG	2						17.218				17.218	4.500				4.500	4.500				4.500					11.100	
1	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1						5117				12/10/2023	2.801				2.801	1.000				1.000					1.600	
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát Khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1						6213				06/11/2023	14.417				14.417	3.500				3.500					9.500	
C	LĨNH VỰC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	35						614.614			130.000	484.614	309.761				309.761	309.761				309.761					160.950	

STT	Tên dự án	Số lượng công trình	Địa điểm xây dựng	Năm khởi công - hoàn thành	Số QĐ	Ngày tháng năm	Quyết định chi trả Tổng mức đầu tư được duyệt				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2023				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023				Kế hoạch vốn năm 2024									
							Chi trả theo nguồn vốn		Chi trả theo nguồn vốn		Chi trả theo nguồn vốn		Chi trả theo nguồn vốn		Chi trả theo nguồn vốn		Chi trả theo nguồn vốn		Chi trả theo nguồn vốn									
							Tổng số	Ngoài nước	Nội nước	Tổng số	Ngoài nước	Nội nước	Tổng số	Ngoài nước	Nội nước	Tổng số	Ngoài nước	Nội nước	Tổng số	Ngoài nước	Nội nước							
A	B	C	1	2	3	4	4a	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
C1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI	8						331.926			130.000	201.926	239.218				239.218	239.218				239.218	20.500				20.500	
I	Chuẩn bị đầu tư																											
II	Thực hiện dự án	8						331.926			130.000	201.926	239.218				239.218	239.218				239.218	20.500				20.500	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																											
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	8						331.926			130.000	201.926	239.218				239.218	239.218				239.218	20.500				20.500	
	BOLDA Đầu tư xây dựng	8						331.926			130.000	201.926	239.218				239.218	239.218				239.218	20.500				20.500	
1	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe thành phố Uông Bí	1						10903			13/12/2021	289.758					130.000	159.758				206.768	15.000				15.000	
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1						10840			13/12/2021	3.821					3.821	3.500				3.500	50				50	
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1						1363			16/3/2022	3.688					3.688	3.250				3.250	250				250	
4	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1						4371			20/6/2022	25.000					25.000	21.300				21.300	1.000				1.000	
5	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1						3537			05/7/2025	7.607					7.607	3.100				3.100	3.600				3.600	
6	Tuyến đường nội đồng của ông Bàu thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công	1						3537			05/7/2032	1.058					1.058	700				700	300				300	
7	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1						3537			05/7/2033	347					347	200				200	100				100	
8	Tuyến đường nội đồng Một Mẫu thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1						3537			05/7/2034	648					648	400				400	200				200	
C.2	LĨNH VỰC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC	27						282.688				0	282.688	70.543			70.543	70.543				70.543	140.450				140.450	
I	Chuẩn bị đầu tư																											
II	Thực hiện dự án	27						282.688				0	282.688	70.543			70.543	70.543				70.543	140.450				140.450	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																											
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	27						282.688				0	282.688	70.543			70.543	70.543				70.543	140.450				140.450	
	BOLDA Đầu tư xây dựng	27						282.688				0	282.688	70.543			70.543	70.543				70.543	140.450				140.450	



STT	Danh mục dự án	Số công trình	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số QĐ	Ngày tháng năm	Quyết định đầu tư																						
								Tống mức đầu tư được duyệt																						
								Chia theo nguồn vốn																						
Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2023								Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023								Kế hoạch vốn năm 2024														
Tống số		Ngoài nước		Ngân sách Trung ương		Ngân sách Tỉnh		Ngân sách huyện		Tống số		Ngoài nước		Ngân sách Trung ương		Ngân sách Tỉnh		Ngân sách huyện		Tống số		Ngoài nước		Ngân sách Trung ương		Ngân sách Tỉnh		Ngân sách huyện		
5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
A	B	C	1	2	3	4	4a	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			
1	Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1				4373	20/6/2022	14.999				14.999	12.500				12.500	12.500				12.500	1.700							1.700
2	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1				4372	20/6/2022	5.500				5.500	4.700				4.700	4.700				4.700	650							650
3	Kê dá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Tháp), phường Vang Danh, thành phố Uông Bí	1				581	23/02/2023	1.038				1.038	1.000				1.000	1.000				1.000	30							30
4	Tuyến kè và nương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1				850	14/3/2023	2.866				2.866	2.600				2.600	2.600				2.600	260							260
5	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Tráng đến cầu Chiu, phường Vang Danh, thành phố Uông Bí	1				858	14/3/2023	2.815				2.815	2.600				2.600	2.600				2.600	200							200
6	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vang Danh, thành phố Uông Bí	1				856	14/3/2023	982				982	900				900	900				900	60							60
7	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí - Hoành Bồ phường Vang Danh, thành phố Uông Bí	1				857	14/3/2023	552				552	500				500	500				500	50							50
8	Chính trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến đê Lũng Xanh, thành phố Uông Bí	1				810	10/3/2023	49.767				49.767	26.945				26.945	26.945				26.945	3.600							3.600
9	Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1				3537	05/7/2023	4.943				4.943	4.000				4.000	4.000				4.000	500							500
10	Chính trang phố Hoa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL.18A, TT Uông Bí	1				3537	05/7/2028	9.360				9.360	2.200				2.200	2.200				2.200	1.200							1.200
11	Chính trang đường Phủ Thành Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thành, thành phố Uông Bí	1				3537	05/7/2029	13.565				13.565	3.500				3.500	3.500				3.500	1.700							1.700
12	Kê chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1				3537	05/7/2031	10.094				10.094	2.500				2.500	2.500				2.500	6.000							6.000
13	Tuyến nương của ông Mai thôn Khe Sủ 2, xã Thượng Yên Công	1				3537	05/7/2035	414				414	300				300	300				300	100							100
14	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vang Danh	1				3537	05/7/2036	1.147				1.147	700				700	700				700	400							400
15	Mương thoát nước khu 5A, phường Vang Danh	1				3537	05/7/2037	2.676				2.676	1.500				1.500	1.500				1.500	1.000							1.000
16	Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tự Thành thành phố Uông Bí	1						65.000				65.000											50.000							50.000



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình xây dựng	Địa điểm xây dựng	Năng lực thi công	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Chia theo nguồn vốn																									
						Số QD	Ngày tháng năm	Tổng số		Chia theo nguồn vốn												Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023										Chia theo nguồn vốn	
								Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước	Ngoài nước	Nội nước								
A	B	C	1	2	3	4	4a	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24						
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	1						1.594				1.594	1.200				1.200	1.200				1.200	1.200	300				300					
	BQLDA Đầu tư xây dựng	1						1.594				1.594	1.200				1.200	1.200				1.200	1.200	300				300					
1	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm liệt sỹ phương Phương Nam, thành phố Long Bình	1				3586	06/7/2023	1.594				1.594	1.200				1.200	1.200				1.200	1.200	300				300					

